

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYỄN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 01 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu lịch

Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Hương; Công tác tại Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Nguyễn Bình và bà Hoàng Thị Tuyết; Nguyên là giáo viên; Công tác tại Hội chữ thập đỏ huyện N.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Dũng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Ông Lương Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Triệu Mùi S**; Sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm N, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh **Triệu Đào P**; sinh năm 1986

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm N, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Bà **Triệu Mùi T**; sinh năm 1963 (mẹ đẻ chị Triệu Mùi S)

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm N, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng. **Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Triệu Mùi S trình bày:**

Chị kết hôn với anh Triệu Đào P từ năm 2007, hôn nhân không được tìm hiểu, do gia đình bố mẹ hai bên giới thiệu, không có đăng ký kết hôn, lý do khi bố mẹ tổ chức cưới chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống tình cảm vợ chồng đã có một thời gian hạnh phúc đến năm 2018 thì tình cảm vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P thường bỏ đi làm xa nhà, nhưng không thấy anh gửi tiền về cho gia đình vợ con để hỗ trợ chị nuôi con, chi phí sinh hoạt để mặc chị tự nuôi con, gánh vác công việc gia đình, không quan tâm gì đến mẹ con chị, khi con được 7 tuổi, năm 2018 chị đã gửi con nhờ mẹ bố mẹ chăm sóc và chị cũng đi sang Trung Quốc làm thuê, đến năm 2022 chị mới trở về vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, việc mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thể khắc phục và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, khắc phục, tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

- Về con chung: Chị S xác nhận chị với anh Triệu Đào P có 01 con chung là Triệu Văn Và; sinh ngày 08/9/2011, hiện nay cháu đang học lớp 8, sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh P đóng góp nuôi con chung

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

- Các khoản nợ chung: Không có

Bị đơn: Anh Triệu Đào P trình bày về phần thủ tục kết hôn và quá trình chung sống như chị S trình bày. Sau khi tổ chức cưới xong anh đến chung sống với bên gia đình bố mẹ vợ (ở rể), thời gian mấy năm đầu tình cảm vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì tình cảm vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do từ khi chị S sang Trung Quốc làm thuê nhưng chị không gửi tiền về cho anh mà chỉ gửi cho mẹ vợ là bà Triệu Mùi T, đến năm 2022 chị S mới trở về, cũng thời gian này anh đang chuẩn bị vật liệu để làm nhà và anh có yêu cầu chị S hỗ trợ đóng góp tiền để trả tiền vật liệu và tiền thuê thợ để làm nhà nhưng chị S không đồng ý nên anh đã phải tự đứng tên vay tiền với Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nguyên Bình với số tiền là 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng) để làm nhà, sau khi nhà làm xong anh yêu cầu chị S cùng có trách nhiệm trả nợ nhưng chị S không hợp tác mà còn tỏ thái độ lạnh nhạt và không quan tâm gì đến anh, nên mới dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, việc mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải và hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị S yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị S.

- Về con chung: Anh P cùng xác nhận anh với chị S có 01 con chung là Triệu Văn V; sinh ngày 08/9/2011 như chị S trình bày, anh với chị S đều thường xuyên đi làm xa nhà chỉ thỉnh thoảng mới về hiện con đã lớn và đã tự chăm lo sinh hoạt được một số công việc cho bản thân và ở tại ngôi nhà mới anh

chị mới làm tại xóm Phiêng Pha, xã M, gần trường học. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh P đồng ý đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Các khoản nợ chung: Không có.

- Còn khoản tiền nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, 100.000, đ (Một trăm triệu đồng) vay để làm nhà anh P xác nhận tại thời điểm vay tiền với Ngân hàng chị S sang Trung Quốc làm thuê, không có mặt ở địa phương, anh tự đứng tên vay với Ngân hàng và anh nhận trách nhiệm tự trả nợ, không liên quan đến chị S với bà T.

- Về ý kiến người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Triệu Mùi T (mẹ đẻ chị S) vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải bà T khai: Gia đình bà có tổ chức kết hôn cho chị S và anh P từ năm 2007, theo phong tục tập quán, tại thời điểm kết hôn do chị S chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định, theo thỏa thuận của hai bên gia đình anh P đến làm rể và sống chung cùng gia đình bà, sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chị S, anh P chung sống hạnh phúc, đến năm 2011 thì chị S sinh con, thì vợ chồng chị S mới mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P thường hay cờ bạc và bỏ nhà đi làm xa nhà, anh nói là đi làm để kiếm tiền, nhưng không thấy anh đem tiền về cho vợ con nên mới dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn, việc mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần, nhưng vẫn không được cải thiện, đến năm 2018 thì chị S cũng đi sang Trung Quốc lao động làm thuê và đến đầu năm 2022 thì chị S mới trở về, còn anh P thì từ năm 2018 anh cũng bỏ đi làm thuê, chỉ thỉnh thoảng anh P mới về thăm nhà và chỉ ở 1-2 hôm rồi anh lại đi, anh không quan tâm gì đến vợ con, việc chăm lo cho cháu Triệu Vân Và đều chủ yếu là bà T hỗ trợ chăm lo và đưa đón cháu đi học. Nay chị S yêu cầu ly hôn bà không muốn các con ly hôn, nhưng nếu các con ly hôn bà vẫn luôn sẵn sàng hỗ trợ tạo điều kiện giúp đỡ mẹ con chị S chăm để tiếp tục ổn định cuộc sống.

- Về khoản tiền do anh P đứng tên vay với Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tại thời điểm anh P vay chị S sang bên Trung quốc làm thuê, không có mặt ở địa phương, anh P tự đứng tên vay còn về ngôi nhà mới làm tại xóm Phiêng Pha gần UBND xã M, gia đình bà với chị S đã cũng có công đóng góp và đã đưa tiền để hỗ trợ cho anh P trả Ngân hàng còn anh P đã trả hay chưa thì bà không biết, nếu còn nợ thì anh P là người đứng tên vay chi tiêu, quản lý và sử dụng số tiền vay này nên anh P tự trả, không liên quan đến gia đình bà.

*** Về ý kiến nguyện vọng của cháu Triệu Vân V:** Là cháu không muốn bố mẹ ly hôn, nhưng nếu bố mẹ phải ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với chị S.

* Tại biên bản xác minh ngày 18/12 / 2024 tại xóm N, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng và biên bản lấy lời khai ngày 18 /12/2024 của người làm chứng Bà Triệu Mùi Ghền là mẹ kế của anh P, đều xác nhận chị Triệu Mùi S với anh Triệu Đào P có thời gian chung sống từ năm 2007, về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng đều cùng đi làm xa nhà, không quan tâm đến nhau, sự việc mâu thuẫn chưa được Tổ Mặt trận xóm và UBND xã hòa giải.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Triệu Mùi S với anh Triệu Dao P đều thừa nhận anh chị chưa đăng ký kết hôn. Tại giấy xác nhận số 02/GXN ngày 25/11/2024 của Ủy ban nhân dân xã M của UBND xã M xác nhận qua kiểm tra trên hệ thống và sổ sách lưu trữ tại UBND xã M từ năm 2007 cho đến nay thì chị Triệu Mùi S với anh Triệu Đào P chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã M, ngày 31/12/ 2024. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và chỉ tiến hành hòa giải đối với việc tranh chấp nuôi con chung. Tại phiên hòa giải chị S với anh P đều đồng ý ly hôn và đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình phát biểu ý kiến quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án nên trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Tuyên bố chị Triệu Mùi S với anh Triệu Đào P không công nhận là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Triệu Vân Và; sinh ngày 08/9/2011, cho chị Triệu Mùi S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Và đủ 18 tuổi, anh P không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung do chị S không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Các đương sự đề nghị tự thỏa thuận, không đặt vấn đề xem xét.

- Các khoản nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết

- Về án phí: Chị S với anh P đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án, Chị Triệu Mùi S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Triệu Đào P có địa chỉ cư trú tại xóm N, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Triệu Mùi S với anh Triệu Đào P chung sống với nhau từ năm 2007 trên cơ sở được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục dân tộc. Tuy nhiên, tại thời điểm tổ chức cưới, chị S chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi bổ sung năm 2010). Theo giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 02 ngày 25 - 11-2024 của Ủy ban nhân dân xã M, chị Triệu Mùi S với anh Triệu Đào P chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã M. Như vậy từ sau khi đến cùng chung sống, khi đủ điều kiện kết hôn chị S và anh P cũng không đến UBND xã để đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa chị S với anh P không được pháp luật thừa nhận. Nay vợ chồng mâu thuẫn không thể sống chung, chị S yêu cầu ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 HĐXX xét thấy không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Mùi S và anh Triệu Đào P là có căn cứ.

[3] *Về con chung*: Chị Triệu Mùi S với anh Triệu Đào P cùng xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Triệu Văn Và; sinh ngày 08/9/2017. Tại phiên tòa chị Ghên, anh P đều giữ nguyên yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi nghe phân tích, giải thích về quy định của Pháp luật, anh P đồng ý giao cho chị S được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Triệu Văn Và cho đến khi cháu Và đủ 18 tuổi, chị S không yêu cầu anh P đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX xét thấy Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm những điều pháp luật cấm, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ và phù hợp với nguyện vọng của cháu Và. Do vậy cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, là phù hợp quy định của pháp luật theo quy định tại điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Triệu Mùi S với anh Triệu Đào P tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xen xét

[5] *Các khoản nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Triệu Mùi S với anh Triệu Đào P, đều có nơi thường trú ở vùng III, vùng điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên cần căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Triệu Mùi S và anh Triệu Đào P thuộc đối tượng được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, 235, 246 và khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 (sửa đổi bổ sung năm 2010); 51, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1, Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên bố **không công nhận** quan hệ giữa chị Triệu Mùi S với anh Triệu Đào P là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của chị Triệu Mùi S và anh Triệu Đào P về việc giao cháu Triệu Văn Và; sinh ngày 8/9/2011 cho chị Triệu Mùi S được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến khi con đủ 18 tuổi; anh P không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh P được quyền đi lại thăm nom con. Chị S, anh P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị S, anh P tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Triệu Mùi S được miễn án phí sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công không khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND xã M;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Lịch